ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 8 năm 2023*

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: Tiếng Việt cho người nước ngoài

Khóa tuyển sinh: tháng 9/2023

Trình độ đào tạo: Bậc 1 đến Bậc 6

Hình thức đào tạo: Không chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-ĐHSP ngày 30 / 8 /2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)*

| TT | Mã học phần | Tên học phần | Số giờ | | | HP học trước/ tiên quyết | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số | LT | TH | | |
| **I** | **Trình độ Sơ cấp 1** | | | | | | |
| 1 | 3172004001 | Tiếng Việt giao tiếp 1 | 200 | | | | |
| 2 | 317304002 | Thực tế ngôn ngữ và văn hóa 1 | 30 | | | | |
| **II** | **Trình độ Sơ cấp 2** | | | | | | |
| 1 | 3172004003 | Tiếng Việt giao tiếp 2 | 200 | | | 3172004001 | |
| 5 | 317304004 | Thực tế ngôn ngữ và văn hóa 2 | 30 | | | | |
| **III** | **Trình độ Trung cấp 1** | | | | | | |
| 1 | 3172004005 | Tiếng Việt giao tiếp 3 | 200 | | | 3172004003 | |
| 5 | 317304006 | Thực tế ngôn ngữ và văn hóa 3 | 30 | | | | |
| **IV** | **Trình độ Trung cấp 2** | | | | | | |
| 1 | 3172004007 | Tiếng Việt giao tiếp 4 | 200 | | | 3172004005 | |
| 5 | 317304008 | Thực tế ngôn ngữ và văn hóa 4 | 30 | | | | |
| **V** | **Trình độ Cao cấp 1** | | | | | | |
| 1 | 3172004009 | Tiếng Việt giao tiếp nâng cao 5 | 200 | | | 3172004009 | |
| 5 | 317304010 | Thực tế ngôn ngữ và văn hóa 5 | 30 | | | | |
| **VI** | **Trình độ Cao cấp 2** | | | | | | |
| 1 | 3172004011 | Tiếng Việt giao tiếp nâng cao 6 | 200 | | | 3172004009 | |
| 5 | 317304012 | Thực tế ngôn ngữ và văn hóa 6 | 30 | | | | |
| **TỔNG SỐ GIỜ CỦA CHƯƠNG TRÌNH** | | | **1,380** | | | | |
| **SỐ GIỜ CỦA MỖI TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO** | | | **230** | | | | |

**TRƯỞNG KHOA**

Th.S Trần Ngọc Oanh

**HIỆU TRƯỞNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**PGS. TS. Lưu Trang**

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 8 năm 2023*

# KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: Tiếng Việt cho người nước ngoài  Khóa tuyển sinh: 2023

Trình độ đào tạo: Bậc 1 đến Bậc 6  Hình thức đào tạo: Không chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-ĐHSP ngày 30/ 8 /2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)*

| Thời gian | Mã học phần | Tên học phần | Số giờ | | | HP học trước/ tiên quyết | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số | LT | TH | | |
| 6 tháng | **Trình độ Sơ cấp 1** | | | | | | |
| | 3172004001 | Tiếng Việt giao tiếp 1 | 200 | | | | |
| | 317304002 | Thực tế ngôn ngữ và văn hóa 1 | 30 | | | | |
| 6 tháng | **Trình độ Sơ cấp 2** | | | | | | |
| | 3172004003 | Tiếng Việt giao tiếp 2 | 200 | | | 3172004001 | |
| | 317300404 | Thực tế ngôn ngữ và văn hóa 2 | 30 | | | | |
| 6 tháng | **Trình độ Trung cấp 1** | | | | | | |
| | 3172004005 | Tiếng Việt giao tiếp 3 | 200 | | | 3172004003 | |
| | 317304006 | Thực tế ngôn ngữ và văn hóa 3 | 30 | | | | |
| 6 tháng | **Trình độ Trung cấp 2** | | | | | | |
| | 3172004007 | Tiếng Việt giao tiếp 4 | 200 | | | 3172004005 | |
| | 317304008 | Thực tế ngôn ngữ và văn hóa 4 | 30 | | | | |
| 6 tháng | **Trình độ Cao cấp 1** | | | | | | |
| | 3172004009 | Tiếng Việt giao tiếp nâng cao 5 | 200 | | | 3172004009 | |
| | 317304010 | Thực tế ngôn ngữ và văn hóa 5 | 30 | | | | |
| 6 tháng | **Trình độ Cao cấp 2** | | | | | | |
| | 3172004011 | Tiếng Việt giao tiếp nâng cao 6 | 200 | | | 3172004009 | |
| | 317304012 | Thực tế ngôn ngữ và văn hóa 6 | 30 | | | | |
| **TỔNG SỐ GIỜ CỦA CHƯƠNG TRÌNH** | | | **1,380** | | | | |
| **SỐ GIỜ CỦA MỖI TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO** | | | **230** | | | | |

**TRƯỞNG KHOA**

ths Trần Ngọc Oanh

**HIỆU TRƯỞNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**PGS. TS. Lưu Trang**